

Trung tâm Service learning trong trường đại học tại Việt Nam trong bối cảnh sáng tạo xã hội

Ngô Trà My*

*Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP HCM

Received: 30/5/2023; Accepted: 4/6/2023; Published: 9/6/2023

Abstract: Service-learning (SL) is an important part of social creativity in education, encouraging students to apply knowledge to community service and solving social problems. In order for SL to be implemented synchronously and effectively, it is necessary to establish SL universities, which will create an environment that connects students, teachers and the community. By means of an overview analysis, the article's objective is to focus on building Service Learning Centers in universities in Vietnam, emphasizing the importance of this work in the context of social creativity. However, this job still faces many challenges such as limitations in human resources, finance, management mechanism, experience and relationship with the community.

Keywords: Community service learning, higher education, social creativity.

1. Mở đầu

Học tập phục vụ cộng đồng (Service-learning, SL) khuyến khích tư duy sáng tạo và khả năng đề xuất giải pháp sáng tạo cho các vấn đề xã hội. Qua việc áp dụng kiến thức vào thực tiễn, sinh viên (SV) có cơ hội tìm ra những giải pháp mới, đóng góp tích cực vào cộng đồng, giúp SV phát triển lòng tự tôn, ý thức trách nhiệm xã hội và tinh thần hợp tác. Do đó, SL không chỉ là một phương pháp GD (PPGD) hiệu quả mà còn là một phần không thể thiếu của sáng tạo xã hội trong GD. Một yếu tố quan trọng để đảm bảo hiệu quả và phát triển bền vững của học tập phục vụ cộng đồng là việc thành lập các trung tâm chuyên trách tại các trường ĐH. Đây là những tổ chức tập trung về chính sách, định hướng và thúc đẩy những hoạt động liên quan đến học tập phục vụ cộng đồng, tạo ra một cơ cấu tổ chức chuyên nghiệp và phối hợp giữa các bộ phận trong trường ĐH. Các trung tâm này có thể đảm nhận nhiều vai trò, từ việc tư vấn và hỗ trợ SV, tổ chức các khóa đào tạo, phối hợp với các đơn vị ngoài trường để triển khai dự án và xây dựng mối quan hệ đối tác, tạo ra một nền tảng cho trường ĐH để tiếp cận và làm việc với các tổ chức xã hội, chính phủ, doanh nghiệp và các cộng đồng địa phương. Đồng thời, các trung tâm cũng có vai trò tư vấn và hỗ trợ SV, từ việc lựa chọn dự án phù hợp, đến quản lý và đánh giá kết quả. Cuối cùng, thành lập các trung tâm SL còn góp phần nâng cao uy tín, hình ảnh và danh tiếng của trường đối với việc đóng góp và phục vụ cộng đồng.

Bằng phương pháp tổng quan các bài viết được công bố trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo trong nước

và quốc tế, sử dụng dữ liệu tổng hợp trên các website của các trường ĐH tại Việt Nam, nội dung bài viết giới thiệu về các trung tâm học tập phục vụ cộng đồng tại các trường ĐH ở Việt Nam, vai trò của các trung tâm trong việc thúc đẩy đưa SL vào giảng dạy và học tập cũng như các thách thức trong quá trình hoạt động của những trung tâm này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Service-learning: không phải là làm từ thiện hay đi thực tập mà là học tập thông qua phục vụ cộng đồng.

Service learning (SL) là hoạt động học tập (HĐHT) gắn kết với phục vụ lợi ích của cộng đồng, mang lại giá trị cho tất cả các bên tham gia. SL thường bị nhầm lẫn với các chương trình tình nguyện hoặc thực tập của SV, do đều có những hoạt động tại thực địa, liên kết với cộng đồng/tổ chức để đem lại lợi ích cho các bên liên quan. Tuy nhiên, ba hoạt động này hoàn toàn khác biệt với những bên tham gia đóng vai trò khác nhau, có thời gian hoạt động, đối tượng định hướng GD, đối tượng hưởng lợi...khác nhau. Trong đó, tình nguyện hiện nay chưa được quy đổi thành tín chỉ học tập trong khi học tập phục vụ cộng đồng và thực tập được xây dựng trong chương trình đào tạo (CTĐT) chính thức và có số tín chỉ nhất định.

Mặc dù trong các CTĐT của các ngành học hầu như đều có môn học Thực tập để tạo điều kiện cho SV tiếp xúc với môi trường làm việc trong tương lai, áp dụng kiến thức đã tích lũy để xử lý các tình huống trong cơ quan, tổ chức, cộng đồng nhưng đối tượng được hưởng lợi chủ yếu của thực tập là SV, trong khi với SL thì cả SV, cộng đồng và giảng viên (GV)

đều có được lợi ích từ hoạt động này. Và đặc biệt, những hoạt động trong SL gắn liền với nhu cầu của chính cộng đồng, xuất phát từ những vấn đề của cộng đồng chứ không dựa trên nhu cầu của SV hay GV như chương trình thực tập.

2.2. Trung tâm hỗ trợ SL trong các trường ĐH trên thế giới và ở Việt Nam

Các quốc gia phát triển đã nhận thấy tầm quan trọng của việc có các trung tâm chuyên trách về học tập phục vụ cộng đồng tại các trường ĐH và đã đầu tư nguồn lực vào việc xây dựng và phát triển chúng. Mỹ được coi là một trong những nước tiên phong trong việc phát triển trung tâm hỗ trợ SL. Các trường ĐH tại Mỹ đã thành lập các trung tâm hỗ trợ SL để cung cấp nguồn lực, đào tạo và hỗ trợ cho giảng viên và SV tham gia vào các dự án SL, tập trung vào việc xây dựng các đối tác với tổ chức phi lợi nhuận và cộng đồng địa phương, cung cấp hỗ trợ tài chính và chuyên môn và tiếp cận các nguồn lực GD. Theo National Service-Learning Clearinghouse, hơn 1.200 trường cao đẳng và ĐH ở Mỹ đã thành lập các chương trình và trung tâm dịch vụ học tập, năm 2018, khoảng 30% SV ĐH ở Mỹ đã tham gia vào các môn học có sử dụng SL. Úc cũng có sự phát triển mạnh mẽ về trung tâm SL. Các trường ĐH tại Úc đã thành lập các trung tâm SL để tăng cường việc tích hợp dịch vụ học tập vào chương trình giảng dạy và học tập. Trung tâm SL tại Úc thường tập trung vào việc phát triển khung kiến thức và kỹ năng SL cho GV và SV, tổ chức các CTĐT và hỗ trợ kỹ thuật, và xây dựng các đối tượng tác động với các tổ chức cộng đồng. Mạng lưới Hợp tác GD Úc (ACEN) đã và đang tích cực thúc đẩy và hỗ trợ các sáng kiến dịch vụ học tập tại các trường ĐH Úc. Một nghiên cứu được thực hiện bởi Shifting Paradigms vào năm 2016 cho thấy 78% các trường ĐH Úc có các chương trình hoặc sáng kiến học tập phục vụ cộng đồng. Là một quốc gia Đông Nam Á, các trường ĐH và tổ chức GD ở Singapore đã thúc đẩy mạnh việc tích hợp dịch vụ học tập vào GD ĐH và phát triển cộng đồng. Trung tâm hỗ trợ SL tại Singapore thường tập trung phát triển các dự án SL có tác động xã hội, xây dựng mạng lưới đối tác với các tổ chức cộng đồng và tạo ra các cơ hội học tập....

Sau năm 1980, GD ĐH Việt Nam có nhiều đổi mới, tuy nhiên vẫn chưa thực sự có được sự bứt phá, CTĐT còn ít gắn liền với những vấn đề, nhu cầu của cộng đồng xã hội. Những hoạt động liên quan đến cộng đồng thường gắn liền với các phong trào thanh niên hoặc chương trình tình nguyện, chưa mang sứ

mệnh GD ĐH hay dùng để đánh giá chất lượng GD của các cơ sở đào tạo. SL vẫn còn là một khái niệm khá mới ở Việt Nam, SL bắt đầu được quan tâm và chú ý từ các nhà GD và được xem như xu hướng GD quan trọng trong chương trình giảng dạy và học tập ở bậc ĐH. Tuy nhiên, tiềm năng để lồng ghép SL vào trong giảng dạy và học tập ở Việt Nam rất lớn khi Luật GD ĐH (sửa đổi 2018) đã quan tâm đến khía cạnh hướng đến mục tiêu phục vụ cộng đồng.

VNES (Vietnam Network of Engaged Scholars) được xem là mạng lưới lớn nhất ở Việt Nam trong thời điểm hiện tại về việc kết nối các học giả, GV, nhà nghiên cứu, lãnh đạo và nhân sự GD bậc cao liên quan Service Learning /Community Engaged Learning (SL/CEL) tại các cơ sở GD bậc cao (CĐ, ĐH, học viện) tại Việt Nam. Đến 6/2023, VNES hiện có 445 thành viên thuộc 109 cơ sở GD bậc cao và 35 trung tâm, viện, trường, tổ chức khác, đồng nghĩa với số lượng các học giả đang triển khai hoặc có nhu cầu áp dụng SL vào giảng dạy và học tập trên cả nước. Tại Việt Nam, SL lần đầu được lồng ghép chính thức vào chương trình giảng dạy ĐH của Khoa Sinh học, trường ĐH Tự nhiên – ĐHQG TP Hồ Chí Minh năm 2007 với hai môn Khoa học Môi trường và Xử lý nước thải. Sau đó SL tiếp tục lan tỏa đến một số trường khu vực phía Nam và phía Bắc. Tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên hiện có ĐH Kiến Trúc Đà Nẵng, Trường ĐH Ngoại ngữ, và Khoa Du lịch - ĐH Huế đang triển khai chính thức SL trong một số môn học tại trường. Cùng với sự mở rộng mạng lưới các học giả VNES, SL dần xuất hiện ở nhiều trường ĐH, học viện và ngày càng được nhiều học giả quan tâm và tìm hiểu cũng như có nhu cầu được tập huấn để sử dụng SL. Đứng trước nhu cầu đó, VNES hoạt động trong khuôn khổ của Liên minh Học cùng cộng đồng (CELA), hỗ trợ các trường ĐH ở Việt Nam xây dựng các trung tâm chuyên về SL/CEL. Triển khai từ năm 2018, đến 10/2021 có 4 trường ĐH ở Việt Nam đã đầu tư xây dựng trung tâm SL để hỗ trợ GV, nhà nghiên cứu tại trường có cơ hội áp dụng SL vào giảng dạy và học tập.

Các trung tâm này đóng vai trò quan trọng trong việc tư vấn, hỗ trợ GV về cách thiết kế môn học SL cũng như hướng dẫn đối tác cộng đồng về xây dựng và triển khai dự án SL. Tuy nhiên, số lượng trung tâm SL so với số lượng các trường ĐH ở Việt Nam hiện tại còn rất ít, vì vậy các giảng viên khi áp dụng SL hầu như ở trạng thái tự tìm hiểu và vận dụng vốn xã hội để triển khai SL vào môn học. Có nhiều mô hình triển khai SL vào giảng dạy và học tập, mỗi mô hình

có tính ứng dụng khác nhau. Mô hình dựa trên vấn đề được triển khai tương đối rộng rãi, với mô hình này, SV làm việc với cộng đồng để xác định vấn đề thực tế của cộng đồng và từ đó xây dựng các kỹ năng phù hợp nhằm hỗ trợ cộng đồng giải quyết vấn đề đó. Ví dụ: SV học môn thiết kế web thiết kế 1 trang web cho đối tác cộng đồng, SV tài chính hỗ trợ cộng đồng cách quản lý tài chính cá nhân, SV tâm lý thiết lập một bộ poster học tập kỹ năng cảm xúc xã hội... Mô hình này thường được các trung tâm SL hoặc Khoa tại các trường ĐH hợp tác cùng các tổ chức phi chính phủ để triển khai các môn học có áp dụng SL. Sau khi kết thúc, thông tin môn học, kết quả và sự phản hồi của cộng đồng đều được đăng tải lên trang thông tin của trung tâm SL hoặc Khoa để người đọc có thể dễ dàng tìm kiếm và truy xuất dữ liệu, đồng thời là hình thức lan tỏa SL đến các học giả, SV khác. Nhìn chung, mặc dù đã xuất hiện hơn 10 năm ở Việt Nam nhưng SL hiện chưa thật sự phổ biến và được triển khai rộng rãi tại các trường ĐH. Trong nỗ lực cải tiến PPDH của nước ta những năm gần đây, SL vẫn đang từng bước được các học giả quan tâm và áp dụng.

2.3. Những thách thức khi xây dựng các trung tâm Service learning tại Việt Nam

Thành lập các trung tâm gắn kết cộng đồng trong các trường ĐH gặp nhiều thách thức, bao gồm những hạn chế về nguồn nhân lực, tài chính, cơ chế thể chế, kinh nghiệm, kỹ năng và các mối quan hệ.

Thứ nhất, thách thức về nguồn nhân lực: Việc xây dựng một trung tâm SL đòi hỏi một đội ngũ nhân viên có trình độ và tận tâm, những người có chuyên môn về phát triển cộng đồng, quản lý dự án và xây dựng quan hệ đối tác.

Thứ hai, hạn chế về tài chính có thể cản trở việc thành lập và duy trì tính bền vững của các trung tâm SL. Các trung tâm này thường yêu cầu nguồn tài chính để hỗ trợ thực hiện chương trình, duy trì cơ sở hạ tầng và tạo điều kiện hợp tác với các đối tác cộng đồng.

Thứ ba, thể chế và chính sách có thể không hỗ trợ đầy đủ cho việc thành lập các trung tâm SL. Ngoài ra, thiếu các thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho việc lồng ghép sự tham gia của cộng đồng vào chương trình giảng dạy và khuyến khích GV và SV tham gia tích cực. Cho đến nay, chưa có các văn bản, chủ trương hỗ trợ cụ thể của các trường ĐH cho các GV và SV có áp dụng SL trong giảng dạy và học tập mà đi theo quy chế giảng dạy và đào tạo chung của Trường và Bộ GD và ĐT.

3. Kết luận

Nhìn chung, PPHT phục vụ cộng đồng còn khá mới mẻ ở Việt Nam, các trung tâm hỗ trợ học tập phục vụ cộng đồng trong các trường ĐH còn khá hạn chế. Việc thành lập các trung tâm SL trong các trường ĐH phải đối mặt với những thách thức nhiều mặt, bao gồm những hạn chế về nguồn nhân lực và tài chính, cơ chế thể chế, kinh nghiệm, kỹ năng và xây dựng mối quan hệ. Kinh nghiệm của các nghiên cứu trước cho thấy, giải quyết những thách thức này đòi hỏi nỗ lực phối hợp từ các trường ĐH, các nhà hoạch định chính sách và các bên liên quan để cung cấp hỗ trợ, nguồn lực và đào tạo đầy đủ, cụ thể như: (1) Xây dựng chính sách hỗ trợ. (2) Đào tạo và phát triển nhân lực: Bảo đảm rằng giảng viên và nhân viên của các trường ĐH được đào tạo về học tập phục vụ cộng đồng và dịch vụ học tập. Cung cấp các khóa đào tạo, hội thảo và chương trình phát triển công nghiệp liên quan để nâng cao kỹ năng và nhận thức về dịch vụ học tập. (3) Xây dựng mối quan hệ với cộng đồng: Thiết lập và duy trì mối quan hệ chặt chẽ với cộng đồng là một yếu tố quan trọng để thành lập các trung tâm phục vụ học tập. Tạo cơ hội cho SV và giảng viên làm việc trực tiếp với cộng đồng, đồng thời xây dựng các đối tác và liên kết đáng tin cậy với tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp trong khu vực. (4) Tạo môi trường hỗ trợ: Đảm bảo rằng các trường ĐH cung cấp môi trường hỗ trợ và tài nguyên cho các trung tâm dịch vụ học tập.

Tài liệu tham khảo

1. Carol-Joy Patrick, Faith Valencia-Forrester, Bridget Backhaus, & Rosie McGregor. (2019). The State of Service-Learning in Australia. *Journal of Higher Education Outreach and Engagement*, 23(3), 185-198.
2. Gary Daynes, & Nicholas V. Longo. (2004). *Jane Addams and the Origins of Service-Learning Practice in the United States*. Michigan Journal of Community Service Learning.
3. Jacoby, B. (2003). *Building partnerships for service-learning*. John Wiley & Sons.
4. Huỳnh Việt Nam, & Nguyễn Ngọc Thắng. (2021). Giới thiệu mô hình học tập phục vụ cộng đồng. *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Thể thao*, (17).
5. Nguyễn Thành Hải, Phùng Thúy Phượng, & Đồng Thị Bích Thủy. (2012). *Học tập phục vụ cộng đồng (service learning) giúp việc học đi đôi với hành và xây dựng ý thức trách nhiệm công dân cho SV đối với xã hội*. Vietnam Service Learning.